TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST-VY
Ngày: 18-7-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Hoàng Liên
2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thu H, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Lào Cai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thu H: Ông Nông Đức T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Đặng Thu H trình bầy: Tôi và anh Hoàng Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 29/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh D.

Về con chung: Có 01 cháu Hoàng Mỹ H1 sinh ngày 08/3/2010. Hiện nay

cháu H1 đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu H1 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm nông nghiệp thu nhập một tháng 7.000.000 đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đề nghị thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với anh Hoàng Văn D nhưng anh D không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thu H đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn D.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao Hoàng Mỹ H1 sinh ngày 08/3/2010 cho chị Đặng Thu H nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên toà chị H đề nghị được miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đặng Thu H.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn D.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao Hoàng Mỹ H1 sinh ngày 08/3/2010 cho chị Đặng Thu H nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thu H và anh Hoàng Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 29 tháng 12 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Chị H và anh D đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh D là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thu H tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả từ tháng 4/2018 cho đến nay. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh D là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Hoàng Mỹ H1 sinh ngày 08/3/2010. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H nhận nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H1 được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị H về nuôi con chung không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thu H là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn D.

2. Về con chung: Có 01 cháu: Hoàng Mỹ H1 sinh ngày 08/3/2010.

Xử giao cháu Hoàng Mỹ H1 cho chị Đặng Thu H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Hoàng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đặng Thu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Đặng Thu H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo biên lai thu số: AA/2024/0002185 ngày 02 tháng 4 năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thu H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- TGVPL (1)
- UBND xã C

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS -TQĐ.

Chu Thị Thoảng